Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8105.20.90

Mã HS	8105.20.90
Mô tả hàng hóa	Coban sten và các sản phẩm trung gian khác từ luyện coban; coban và các sản phẩm bằng coban, kể cả phế liệu và mảnh vụn / - Coban sten và các sản phẩm trung gian khác từ luyện coban; coban chưa gia công; bột: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:25:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/81052090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12422
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12422
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12422
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12422
Thuế XK ưu đãi CPTPP	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12422
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5/5	5 / 5 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12422
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5/5	5 / 5 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12422

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11769
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11712
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11712
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11712
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11712
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11712
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11712
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11764
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11764

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11764
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11764
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11764
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11764
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11765
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11765
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11765
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11765
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11765
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11765
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11768
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11718
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11724
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11724
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11724
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11724
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11724
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11724
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11757
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11757
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11757
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11757
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11757
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11757
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11802
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11802
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11802
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11802
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11802
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11787
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11787
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11787
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11787
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11787
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11787
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11787
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11787
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11787
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11787
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11787
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11787
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11804
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11804
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11804
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11804
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11804
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11804
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11803
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11803
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11803
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11803

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11803
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11803
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11750
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11750
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11750
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11750
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11750
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11750
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11750
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11787
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11787
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11787
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11787
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11787
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11787
RCEP B	2022	2022	0	B!D11787
RCEP B	2023	2023	0	B!E11787
RCEP B	2024	2024	0	B!F11787
RCEP B	2025	2025	0	B!G11787
RCEP B	2026	2026	0	B!H11787
RCEP B	2027	2027	0	B!I11787
RCEP C	2022	2022	0	C!D11787
RCEP C	2023	2023	0	C!E11787
RCEP C	2024	2024	0	C!F11787
RCEP C	2025	2025	0	C!G11787
RCEP C	2026	2026	0	C!H11787

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11787
RCEP D	2022	2022	0	D!D11786
RCEP D	2023	2023	0	D!E11786
RCEP D	2024	2024	0	D!F11786
RCEP D	2025	2025	0	D!G11786
RCEP D	2026	2026	0	D!H11786
RCEP D	2027	2027	0	D!I11786
RCEP E	2022	2022	0	E!D11790
RCEP E	2023	2023	0	E!E11790
RCEP E	2024	2024	0	E!F11790
RCEP E	2025	2025	0	E!G11790
RCEP E	2026	2026	0	E!H11790
RCEP E	2027	2027	0	E!I11790
RCEP F	2022	2022	0	F!D11787
RCEP F	2023	2023	0	F!E11787
RCEP F	2024	2024	0	F!F11787
RCEP F	2025	2025	0	F!G11787
RCEP F	2026	2026	0	F!H11787
RCEP F	2027	2027	0	F!I11787
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10903
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10903
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10903
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10903

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8105.20 có 2 dòng thuế; dòng 8105.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8105.20.10 Coban chưa gia công	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8105.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8105.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12422), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.